

5.15 VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Chi tiết vốn chủ sở hữu		
	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	3,816,000,000	3,816,000,000
Cổ đông khác	12,639,800,000	12,639,800,000
Mệnh giá cổ phiếu quỹ	1,594,000,000	1,594,000,000
Tổng	18,049,800,000	18,049,800,000
Cổ phiếu		
	31/12/2019	01/01/2019
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,804,980	1,804,980
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,804,980	1,804,980
Cổ phiếu phổ thông	1,804,980	1,804,980
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,804,980	1,804,980
Cổ phiếu phổ thông	1,804,980	1,804,980
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10,000	10,000

5.16 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Doanh thu in ấn, cắt rọc	1.029.528.712	76.468.130
Doanh thu khác	47.512.205	
Tổng	1.077.040.917	76.468.130

5.17 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý 4 năm 2019	Quý 4 năm 2018
	VND	VND
Giá vốn in ấn, cắt rọc	802.411.133	723.946.111
Giá vốn hoạt động khác	15.249.341	
Tổng	817.660.474	723.946.111

5.18 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý 4 năm 2019 VND	Quý 4 năm 2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	251.001.953	341.137.862
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	
Tổng	251.001.953	341.137.862

5.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý 4 năm 2019 VND	Quý 4 năm 2018 VND
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
Tổng	-	-

5.20 CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Quý 4 năm 2019 VND	Quý 4 năm 2018 VND
Chi phí bán hàng	-	200.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài		
Chi phí bằng tiền khác		
Chi phí quản lý		323.083.071
Chi phí nhân viên quản lý	410.801.532	
Chi trợ cấp thôi việc		-
Chi phí đồ dùng văn phòng		-
Chi phí khấu hao TSCĐ	15.439.088	-
Thuế phí và lệ phí		-
Chi phí tiếp khách		
Chi phí bằng tiền khác		
Tổng	426.240.620	323.283.071

5.21 LỢI NHUẬN KHÁC

	Quý 4 năm 2019 VND	Quý 4 năm 2018 VND
Thu nhập khác		
Bán giấy phế liệu	57.190.277	37.836.269
Thu nhập khác		-
Tổng	57.190.277	37.836.269
Chi phí khác		
Chi phí khác	65.179	230.002
Tổng	-	400,000
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	57.125.098	37.836.269

5.22 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý 4 năm 2019 VND	Quý 4 năm 2018 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	19.902.347	
Tổng	19.902.347	-

5.23 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Quý 4 năm 2019 VND	Quý 4 năm 2018 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	-	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	1,645,580	1,645,580
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	74	-

5.24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

5.24 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các chính sách kế toán chủ yếu**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09a-DN

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 5.

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	555.115.565	1,508,468,618
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.021.036.261	368,622,674
Đầu tư ngắn hạn		1,000,000,000
Đầu tư dài hạn	569,447,332	558,670,634
Tổng	3.145.599.158	3,435,761,926
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	606.350.480	475,502,956
Chi phí phải trả	-	-
Tổng	606.350.480	475,502,956

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ, do đó, Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Công ty không phát sinh các khoản đầu tư vào công cụ vốn do vậy không chịu rủi ro về giá cổ phiếu.

Rủi ro về giá (Tiếp theo)*Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Công ty mua hàng hóa chủ yếu từ một số nhà cung cấp để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán từ nhà cung cấp. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng lâu năm, luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	606.350.480	-	606.350.480
Chi phí phải trả	-	-	-
01/01/2019	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán và phải trả khác	475,502,956	-	475,502,956
Chi phí phải trả	-	-	-

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.